

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 11/7/2023

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh

2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên - Kiểm sát viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bá Văn Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ L số: 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 19/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Kim L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn C, huyện B, Bình Thuận

Bị đơn: Anh Phan Minh T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn C, huyện B, Bình Thuận

Có mặt nguyên đơn; Vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Đinh Thị Kim L trình bày:

Chị và anh Phan Minh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau.

Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng. Vợ chồng đến UBND thị trấn Chợ Lầu để đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung vợ chồng sau khi xác lập quan hệ thì vui vẻ và hạnh phúc bên gia đình anh T.

Năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh T không có sự quan tâm chia sẻ đến vợ con, tình cảm vợ chồng ngày càng nguội lạnh.

Hai bên gia đình có hòa giải cho vợ chồng nhưng không được

Năm 2022 chị về nhà cha mẹ tại Hòa Thuận sinh sống từ đó và có qua lại thăm con nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ.

Vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Minh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Phan Tú T1 – sinh ngày 11/4/2011 và Phan Tú Q – sinh ngày 23/9/2016, Q đang ở với chị nên chị yêu cầu được nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phan Tú Q đến khi trưởng thành, Tú đang ở với ba giao cho anh T nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành, chị L không cấp dưỡng và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Phan Minh T trình bày: Theo bản tự khai ngày 20/4/2023.

Anh và chị Đinh Thị Kim L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau.

Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng. Vợ chồng đến UBND thị trấn Chợ Lầu để đăng ký kết hôn.

Trong quá trình sống chung chị L nói là do anh làm ăn không có tương lai nên chị L bỏ về nhà cha mẹ từ tháng 03/2022 đến nay. Anh cũng không đến nhà chị L để gọi chị L về đoàn tụ vì anh thấy chị L đi là do tự đi.

Hai bên gia đình không có mâu thuẫn có hòa giải cho vợ chồng nhưng không được.

Anh có nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng không đến Tòa làm việc vì anh không đồng ý ly hôn với chị L, nếu chị L muốn ly hôn thì cứ giải quyết cho chị L anh không có ý kiến gì.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Phan Tú T1- sinh ngày 11/4/2011 và Phan Tú Q –sinh ngày 23/9/2016, hiện T1 đang ở với anh, Quỳnh đang ở với chị L, anh T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phan Tú T1 đến khi trưởng thành, giao chị L nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phan Tú Q đến khi trưởng thành, anh T không cấp dưỡng và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nhân chứng

Bà Đinh Thị Kim L1 (mẹ chị L1) trình bày: L và T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng vào năm 2010. Vợ chồng L có đi đăng ký kết hôn.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng về khu phố X, thị trấn C sinh sống.

Cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì bà không rõ lắm nhưng năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do đời sống khó khăn và năm 2022 L dẫn đứa nhỏ về nhà vợ chồng bà ở từ đó đến nay.

Tcó qua nhà bà vài lần nhưng chỉ nói chuyện với chồng bà.

Hai bên gia đình có hòa giải cho vợ chồng nhưng không được, hai bên gia đình không có mâu thuẫn gì.

Bà cũng đã nhiều lần khuyên L về đoàn tụ nhưng L không chịu về.

Chuyện ly hôn của vợ chồng L thì để L tự quyết định.

Ông Phan Văn M (ba anh T) trình bày: L và T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng vào năm 2010. Vợ chồng L có đi đăng ký kết hôn.

Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng về khu phố X, thị trấn C sinh sống tại nhà ông.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân kinh tế khó khăn, chị L nói Anh T làm ăn không có thu nhập đời sống khó khăn nên chị L bỏ về nhà cha mẹ ở từ năm 2022 đến nay.

Hai bên gia đình có hòa giải cho vợ chồng nhưng không được.

Việc ly hôn của L thì Tcó biết vì Tcó nhận giấy triệu tập của Tòa án nhưng T không đồng ý đến Tòa vì không muốn ly hôn.

Chuyện ly hôn của vợ chồng T thì để Ttự quyết định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo quy định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ L cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Chị Đinh Thị Kim L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không chấp hành theo giấy triệu tập, vi phạm quy định tại Điều 70 BLTTDS năm 2015.

2. Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 53, Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Kim L được ly hôn với anh Phan Minh T

- Về con chung: Giao cháu Phan Tú Q cho chị Đinh Thị Kim L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Phan Tú T1 cho anh Phan Minh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích mọi mặt của các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đinh Thị Kim L được ly hôn với anh Phan Minh T có hộ khẩu thường trú tại: Khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Kim L, HĐXX nhận thấy: Chị Đinh Thị Kim L và anh Phan Minh T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135 ngày 30/12/2010 nên là hôn nhân hợp pháp, chị L có đơn ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Theo trình bày của các đương sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay cho thấy chị L và anh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 cuộc sống chung của chị L và anh T phúc đến năm 2021 có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân kinh tế khó khăn, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ nên chị L bỏ về nhà cha mẹ ở từ năm 2022 đến nay và có yêu cầu ly hôn với anh T, anh T không đồng ý ly hôn.

Tòa án tiến hành triệu tập, tổ chức hòa giải tuy nhiên anh T biết việc chị L ly hôn nhưng không đến Tòa án để làm việc, hòa giải chứng tỏ anh T cũng không còn muốn níu kéo, hàn gắn tình cảm, hôn nhân với chị L.

HĐXX xét thấy, theo quy định của pháp luật Hôn nhân gia đình năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Trong quá trình sống chung giữa chị L và anh T có phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng nguội lạnh, cuộc sống chung không hòa hợp, không thể hàn gắn được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 02 con là Phan Tú T1–sinh ngày 11/4/2011 và Phan Tú Q –sinh ngày 23/9/2016.

Giao chị L được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phan Tú Quỳnh đến khi trưởng thành.

Giao cho anh Phan Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phan Tú T1 đến khi trưởng thành.

Chị L và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị Kim L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Kim L được ly hôn với anh Phan Minh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Phan Tú T1 và Phan Tú Q. Giao chị Đinh Thị Kim L được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phan Tú Q– sinh ngày 23/9/2016 đến khi trưởng thành.

Giao cho anh Phan Minh T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phan Tú T – sinh ngày 11/4/2011 đến khi trưởng thành.

Chị L và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, chị L đã nộp tại biên lai thu số 0002861, ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, chị Đinh Thị Kim L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT C ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thanh Nữ Kiều Oanh

